

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



# TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận  
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 1 năm 2019.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Phạm Huy Bình  
Ông Võ Văn Tuấn  
Ông Trần Hùng Việt

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
(Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 10 năm 2018)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Hùng Việt

Tổng Giám Đốc  
(Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 10 năm 2018)  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
(Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 4 năm 2018)

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Phạm Huy Bình

Chủ tịch

**Trụ sở chính**

23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 50. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Nguyễn Anh Tài*



**Nguyễn Anh Tài**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập từ cổ tức là 211.767.545.420 đồng từ hoạt động đầu tư vào một công ty liên doanh khi nghị quyết chia cổ tức chỉ được các thành viên Hội đồng Thành viên của liên doanh này ký đầy đủ trong tháng 10 năm 2017. Nếu Tổng Công ty ghi nhận khoản cổ tức này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm hiện hành" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng tương ứng là 211.767.545.420 đồng, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng 211.767.545.420 đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng vì lý do nêu trong đoạn "Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8260  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019



Trâm Từ Mai Anh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3546-2017-006-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.309.095.150.102</b>	<b>3.325.667.555.476</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.657.541.909.794</b>	<b>1.648.301.837.141</b>
111	Tiền		772.975.115.273	241.929.636.243
112	Các khoản tương đương tiền		884.566.794.521	1.406.372.200.898
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.102.494.369.517</b>	<b>1.023.198.118.546</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>4</b>	1.102.494.369.517	1.023.198.118.546
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>445.006.598.704</b>	<b>496.226.307.561</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>6</b>	84.540.492.642	80.659.386.341
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.792.638.457	5.051.890.591
136	Phải thu ngắn hạn khác	<b>7(a)</b>	401.158.946.502	449.411.448.837
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(45.485.478.897)	(38.896.418.208)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>13.911.189.343</b>	<b>14.490.154.181</b>
141	Hàng tồn kho		13.911.189.343	14.490.154.181
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>90.141.082.744</b>	<b>143.451.138.047</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		15.040.429.153	16.312.886.785
152	Thuế GTGT được khấu trừ	<b>13</b>	4.464.846.807	710.348.529
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>13</b>	70.635.806.784	126.427.902.733

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.771.394.446.306</b>	<b>5.821.729.406.243</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>46.556.785.644</b>	<b>45.588.585.644</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	46.556.785.644	45.588.585.644
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>910.811.251.165</b>	<b>957.405.334.565</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	885.785.995.761	930.146.586.702
222	Nguyên giá		2.595.460.477.331	2.528.686.545.394
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.709.674.481.570)	(1.598.539.958.692)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	25.025.255.404	27.258.747.863
228	Nguyên giá		69.107.874.521	67.804.286.521
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(44.082.619.117)	(40.545.538.658)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>15.574.169.955</b>	<b>17.783.291.955</b>
231	Nguyên giá		92.147.051.105	92.147.051.105
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.572.881.150)	(74.363.759.150)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>481.681.932.930</b>	<b>476.959.481.906</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	481.681.932.930	476.959.481.906
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.216.778.627.222</b>	<b>4.269.251.297.126</b>
251	Đầu tư vào công ty con	5(a)	1.182.787.483.689	1.182.787.483.689
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.470.298.403.461	2.514.406.900.128
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	735.086.821.566	737.326.821.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(d)	(171.394.081.494)	(165.269.908.257)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>99.991.679.390</b>	<b>54.741.415.047</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	98.981.713.246	53.830.876.779
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	1.009.966.144	910.538.268
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>9.080.489.596.408</b>	<b>9.147.396.961.719</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.322.433.202.455</b>	<b>1.317.148.142.585</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.159.315.002.508</b>	<b>1.116.233.454.316</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	54.861.130.220	57.891.526.568
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		24.633.647.093	20.742.587.195
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	86.160.072.159	65.805.146.652
314	Phải trả người lao động		137.403.813.882	163.792.125.155
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		6.174.164.701	2.312.974.458
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		35.355.755.468	30.362.760.729
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	717.532.083.992	721.859.782.060
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	97.194.334.993	53.466.551.499
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>163.118.199.947</b>	<b>200.914.688.269</b>
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	129.451.269.867	157.547.758.189
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.666.930.080	43.366.930.080
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>7.758.056.393.953</b>	<b>7.830.248.819.134</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>7.758.056.393.953</b>	<b>7.830.248.819.134</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	7.018.394.876.222	6.706.427.463.808
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	18	-	514.056.907.688
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	739.661.517.731	609.764.447.638
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		(17.291.999.235)	490.473.519.746
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		756.953.516.966	119.290.927.892
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.080.489.596.408</b>	<b>9.147.396.961.719</b>


Trần Văn Huy  
Người lập

Lê Thị Hoàng Mai  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính

Võ Anh Tài

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.035.961.111.151	1.960.689.580.105
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(39.749.619)	(44.863.639)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.035.921.361.532	1.960.644.716.466
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(1.305.767.643.239)	(1.173.542.118.552)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	730.153.718.293	787.102.597.914
21	Doanh thu hoạt động tài chính	754.511.378.729	494.123.019.484
22	Chi phí tài chính	(6.511.948.330)	(49.050.420.785)
25	Chi phí bán hàng	(131.079.240.125)	(84.560.647.988)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(321.461.199.115)	(296.103.257.736)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.025.612.709.452	851.511.290.889
31	Thu nhập khác	32.947.270.535	50.395.060.110
32	Chi phí khác	(5.759.531.494)	(6.163.665.594)
40	Lợi nhuận khác	27.187.739.041	44.231.394.516
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.052.800.448.493	895.742.685.405
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(101.371.542.609)	(104.801.940.772)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	99.427.876	149.178.160
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	951.528.333.760	791.089.922.793



Trần Văn Huy  
Người lập



Lê Thị Hoàng Mai  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



**Võ Anh Tài**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>1.052.800.448.493</b>	<b>895.742.685.405</b>
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	28 96.980.173.301	101.318.499.582
03	Các khoản dự phòng	12.713.233.926	31.978.524.588
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22, 23 (1.573.767.646)	200.441.331
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	22, 23, 26 (664.573.726.451)	(490.893.187.713)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>496.346.361.623</b>	<b>538.346.963.193</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(107.410.269.101)	62.904.826.274
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	578.964.838	(1.226.791.876)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả	(663.814.090)	508.325.626.830
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(43.878.378.835)	15.412.602.467
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(75.299.526.976)	(162.000.000.000)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	55.837.705.961	24.039.635.678
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(138.734.683.018)	(94.955.143.051)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>186.776.360.402</b>	<b>890.847.719.515</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(120.819.590.673)	(139.128.863.481)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.235.751.939	1.390.260.088
23	Chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.971.749.297.642)	(2.816.447.382.214)
24	Thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	1.892.453.046.671	2.864.966.937.714
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(7.000.000.000)	(149.981.280.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.690.000.000	107.241.594.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	796.879.374.221	645.957.030.737
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>648.689.284.516</b>	<b>513.998.296.844</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(826.816.001.045)	(733.973.243.841)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(826.816.001.045)</b>	<b>(733.973.243.841)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>8.649.643.873</b>	<b>670.872.772.518</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>1.648.301.837.141</b>	<b>977.451.043.277</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	590.428.780	(21.978.654)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>1.657.541.909.794</b>	<b>1.648.301.837.141</b>




Trần Văn Huy  
Người lập



Lê Thị Hoàng Mai  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.